

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ
ĐẠI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Ấn
• M.C.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Ông Prenben Hjortlund	Thành viên
Ông Trần Minh Hải	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phó Thiên Sơn	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2011)
Bà Tạ Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2011)
Bà Sharmini T Surendran	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2011)
Ông Arief Gunawan	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính


Phó Thiên Sơn
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012




Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 1339 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		477.441.188.730	300.824.658.045
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	92.513.333.508	13.246.821.008
1. Tiền	111		2.213.333.508	13.246.821.008
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.300.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		325.327.082.866	250.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	325.327.082.866	250.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.313.732.705	32.776.645.313
1. Phải thu khách hàng	131		15.937.562.668	4.530.606.815
2. Trả trước cho người bán	132		1.094.805.316	4.217.632.941
3. Các khoản phải thu khác	135	7	27.281.364.721	24.028.405.557
IV. Hàng tồn kho	140		2.716.428.565	3.497.008.708
1. Hàng tồn kho	141	8	2.716.428.565	3.497.008.708
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.570.611.086	1.304.183.016
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.567.198.302	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	9	1.142.004.435	1.277.833.016
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	8.841.129.349	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.020.279.000	26.350.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.598.838.745.560	1.359.109.093.186
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		846.832.000.000	707.800.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	846.832.000.000	707.800.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.794.839.307	1.569.120.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	59.188.196	1.292.694.298
- Nguyên giá	222		108.523.626	1.384.436.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.335.430)	(91.742.467)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.583.335	61.120.003
- Nguyên giá	228		21.000.000	69.560.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.416.665)	(8.439.997)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.728.067.776	215.306.400
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		745.167.490.999	641.973.254.549
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	580.803.405.653	394.567.454.549
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	32.762.945.282	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	179.591.509.164	247.405.800.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(47.990.369.100)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.044.415.254	7.766.717.936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	1.565.994.784	3.766.717.936
2. Tài sản dài hạn khác	268		478.420.470	4.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.076.279.934.290	1.659.933.751.231

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		982.695.952.255	572.374.258.827
I. Nợ ngắn hạn	310		470.548.361.479	72.374.258.827
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	128.191.326.213	-
2. Phải trả người bán	312		7.534.125.329	42.426.986.579
3. Người mua trả tiền trước	313		280.043.358	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	2.567.767.260	4.493.196.943
5. Phải trả người lao động	315		4.035.456	850.000
6. Chi phí phải trả	316	20	26.782.473.480	12.963.685.346
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	304.326.262.593	12.482.080.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		862.327.790	7.459.459
II. Nợ dài hạn	330		512.147.590.776	500.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	12.147.590.776	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	500.000.000.000	500.000.000.000
B- NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.093.583.982.035	1.087.559.492.404
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.093.583.982.035	1.087.559.492.404
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.459.459	15.459.459
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.376.214.656	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		89.192.307.920	87.544.032.945
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.076.279.934.290	1.659.933.751.231



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phó Thiên Sơn
Quyền Tổng Giám đốc

Trương Kim Thanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	66.211.701.238	153.732.295.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		68.154.622	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		66.143.546.616	153.732.295.454
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	28.557.593.828	61.046.740.364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.585.952.788	92.685.555.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	229.837.078.556	46.644.920.603
7. Chi phí tài chính	22	28	133.882.162.177	14.597.362.964
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		85.099.926.207	14.597.362.964
8. Chi phí bán hàng	24		3.711.228.370	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		48.397.233.717	11.607.794.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		81.432.407.080	113.125.318.708
11. Thu nhập khác	31	29	23.117.552.834	266.781
12. Chi phí khác	32	29	19.439.737.924	1.101.665.162
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	29	3.677.814.910	(1.101.398.381)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		85.110.221.990	112.023.920.327
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	18.120.489.429	24.499.627.210
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		66.989.732.561	87.524.293.117



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phó Thiên Sơn
Quyền Tổng Giám đốc

Trương Kim Thanh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	85.110.221.990	112.023.920.327
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.549.929.428	71.214.328
- Các khoản dự phòng	03	47.990.369.100	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(229.509.944.711)	(46.643.825.603)
- Chi phí lãi vay	06	85.099.926.207	14.597.362.964
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.759.497.986)	80.048.672.016
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	5.703.299.447	(496.419.485.835)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	780.580.143	(3.497.008.708)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	50.918.778.602	50.532.703.969
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	633.524.850	(3.401.378.104)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(59.758.611.222)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31.315.967.759)	(19.363.834.955)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	12.147.590.776	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(478.420.470)	(201.970.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.128.723.619)	(594.070.331.617)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.247.347.830)	(1.629.584.085)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.471.699.796	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(258.728.460.162)	(772.046.422.222)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	409.368.783.861	522.046.422.222
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(456.742.876.213)	(136.436.156.363)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	150.511.782.350	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	202.570.328.104	23.718.160.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	42.203.909.906	(364.347.580.229)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31	-	470.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	338.818.643.040	500.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(210.627.316.827)	-
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(60.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	68.191.326.213	970.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	79.266.512.500	11.582.088.154
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.246.821.008	1.664.732.854
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	92.513.333.508	13.246.821.008



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phó Thiên Sơn
Quyền Tổng Giám đốc

Trương Kim Thanh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 7 năm 2011 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 100.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 220 người (31 tháng 12 năm 2010: 176 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới....); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dư phải thu dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm khoản tiền ứng trước cho các đối tác để thực hiện các dự án bất động sản trong các năm tiếp theo và khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để tiến hành chuyển nhượng cổ phần. Theo đánh giá của Công ty, các khoản ứng trước này chắc chắn có thể thu hồi trong tương lai. Do vậy, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011	2010
	(Số năm)	(Số năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 10	03 - 05
Phương tiện vận tải	06	06
Thiết bị văn phòng	05 - 08	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi công ty nhận đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	262.021.380	438.634.848
Tiền gửi ngân hàng	1.951.312.128	12.808.186.160
Các khoản tương đương tiền (i)	90.300.000.000	-
	<u>92.513.333.508</u>	<u>13.246.821.008</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt (ii)	80.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral (iii)	99.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An (iv)	146.327.082.866	-
	<u>325.327.082.866</u>	<u>250.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với lãi suất thông báo theo từng thời kỳ.

(ii) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt vay theo hợp đồng vay vốn số 28/2011/OCH-LV ngày 28 tháng 12 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31 tháng 12 năm 2011 với thời hạn 1 năm kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất là 18%/năm. Khoản vay này có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral (công ty con của Công ty) vay theo hợp đồng vay vốn ngày 01 tháng 7 năm 2011 với thời hạn 1 năm kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất là 14%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(iv) Phản ánh giá trị khoản đầu tư tương ứng với 27.332.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An mà Công ty tiến hành nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội đang còn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đánh giá khoản đầu tư này có thời hạn thu hồi không quá 01 năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ông Hà Trọng Nam (i)	26.305.555.555	12.250.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	11.755.555.557
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt (ii)	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (iii)	594.061.052	-
Phải thu khác	341.748.114	22.850.000
	<u>27.281.364.721</u>	<u>24.028.405.557</u>

(i) Là khoản lãi tính trên khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 (iv).

(ii) Là khoản lãi phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 (ii).

(iii) Là khoản lãi phải thu của Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ theo Hợp đồng vay vốn số 30/2011/OCH-SM ngày 19 tháng 8 năm 2011 như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 (v).

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	45.045.780
Công cụ, dụng cụ	-	281.373.454
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.716.428.565	3.170.589.474
	<u>2.716.428.565</u>	<u>3.497.008.708</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.142.004.435	1.277.833.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	8.841.129.349	-
	9.983.133.784	1.277.833.016

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (i)	100.000.000.000	100.000.000.000
Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD (ii)	85.100.000.000	85.100.000.000
Công ty TNHH Togi Việt Nam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi (iii)	160.732.000.000	21.700.000.000
Ông Hà Trọng Nam (iv)	500.000.000.000	500.000.000.000
	846.832.000.000	707.800.000.000

- (i) Khoản tiền trả trước cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) (công ty mẹ của Công ty) về việc chuyển nhượng lại quyền thực hiện Dự án “Khách sạn Sao Hôm” tại Nha Trang. Bao gồm các khoản chi sau:

Số tiền 63 tỷ đồng trả cho OGC tương đương với số tiền OGC phải trả cho các đối tác để có quyền tham gia góp vốn vào Công ty TNHH T&T Đại Dương. Cụ thể OGC đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư Phát triển để thành lập Công ty TNHH T&T Đại Dương với số vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, trong đó OGC sở hữu 90% vốn điều lệ, tương đương 63 tỷ đồng, bà Đào Thu Thảo sở hữu 10% vốn điều lệ, tương đương 7 tỷ đồng.

Số tiền 37 tỷ đồng trả cho OGC tương ứng với số tiền mà OGC đã ký kết với các nhà thầu để thực hiện các hạng mục liên quan đến việc triển khai dự án trên.

- (ii) Khoản tiền đã chi cho các đối tác về việc chuyển nhượng lại quyền tham gia góp vốn vào Dự án “Khách sạn Trần Vũ” của Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Bao gồm các khoản sau:

Công ty phải trả 86 tỷ đồng cho Công ty Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD để có quyền tham gia góp 70% vốn điều lệ, tương đương 141.953.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Số tiền đã thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 85,1 tỷ đồng.

Công ty phải trả 1 tỷ đồng cho Công ty TNHH Togi Việt Nam để có quyền tham gia góp 10% vốn điều lệ, tương đương 20.279.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Viptour-Togi.

- (iii) Khoản tiền chuyển cho Công ty Cổ phần Viptour-Togi liên quan đến các chi phí xây dựng cơ bản của Dự án “Khách sạn Trần Vũ”.

- (iv) Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Trảng Tiền từ nhóm cổ đông bao gồm bà Nguyễn Thị Lan Hương, ông Hà Văn Thẩm và ông Hà Trọng Nam (các bên liên quan của Công ty). Công ty đã thực hiện đánh giá lại tài sản do Công ty Cổ phần Trảng Tiền quản lý, sử dụng bằng việc thuê chuyên gia định giá đánh giá lại tài sản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá giao dịch chuyển nhượng này là phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn nêu trên là hợp lệ và chắc chắn sẽ thực hiện được, theo đó, các khoản mục Phải thu dài hạn khác không bị suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	641.655.545	596.064.032	146.717.188	1.384.436.765
Mua trong năm	7.569.614.094	1.311.326.223	1.211.062.937	10.092.003.254
Thanh lý nhượng bán	(8.211.269.639)	(1.907.390.255)	(1.249.256.499)	(11.367.916.393)
Tại ngày 31/12/2011	-	-	108.523.626	108.523.626
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	14.293.869	31.445.583	46.003.015	91.742.467
Khấu hao trong năm	1.146.414.870	215.781.690	147.811.451	1.510.008.011
Thanh lý nhượng bán	(1.160.708.739)	(247.227.273)	(144.479.036)	(1.552.415.048)
Tại ngày 31/12/2011	-	-	49.335.430	49.335.430
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	-	-	59.188.196	59.188.196
Tại ngày 31/12/2010	627.361.676	564.618.449	100.714.173	1.292.694.298

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	69.560.000	69.560.000
Mua trong năm	642.583.200	642.583.200
Giảm trong năm	(691.143.200)	(691.143.200)
Tại ngày 31/12/2011	21.000.000	21.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	8.439.997	8.439.997
Hao mòn trong năm	39.921.417	39.921.417
Giảm trong năm	(34.944.749)	(34.944.749)
Tại ngày 31/12/2011	13.416.665	13.416.665
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	7.583.335	7.583.335
Tại ngày 31/12/2010	61.120.003	61.120.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Ngày năm quyền kiểm soát (i)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2011 VND	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn- Givral	30/6/2009	221.772.279.186	221.638.904.186
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư	31/12/2009	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	08/4/2011	47.209.238.000	-
Công ty Cổ Phần Tân Việt	23/5/2011	109.493.338.104	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	29/12/2011	29.400.000.000	-
		580.803.405.653	394.567.454.549

(i) Là ngày Công ty nắm giữ quyền kiểm soát của các công ty con sau khi đã mua số cổ phần chi phối các công ty này.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 31/12/2011 % (i)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn- Givral	Thành phố Hồ Chí Minh	97,08	97,08	Sản xuất, kinh doanh bánh kẹo; Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	40	74	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83	83	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Tân Việt	Nha Trang	51,42	51,42	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Thành phố Hồ Chí Minh	98	98	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh tù bột, cacao, sôcôla và mứt kẹo; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

(i) Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty cao hơn tỷ lệ phần sở hữu tại các công ty con do Công ty đã có thỏa thuận với các cổ đông của các công ty này để được quyền biểu quyết lớn hơn trong thời gian thực hiện thủ tục để chính thức sở hữu cổ phần.

Trong năm 2011, Công ty nhận được các thông báo chia cổ tức, lợi nhuận từ Công ty Cổ phần Tân Việt (công ty con của Công ty) với số tiền là 627.316.827 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	32.762.945.282	-
	<u>32.762.945.282</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ đến ngày 31/12/2011 %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Nghệ An	49,50	49,50	Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế, cho thuê văn phòng

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	187.951.901.944	185.442.383.228
Tổng công nợ	67.401.002.051	67.728.128.029
Tài sản thuần	120.550.899.893	117.714.255.199
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	59.672.695.447	-
	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	122.745.568.363	190.093.461.132
Lợi nhuận thuần	4.285.285.816	1.544.866.010
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.121.216.479	-

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	43.335.369.863	46.094.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam	3.341.800.000	3.341.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia (ii)	77.361.845.200	182.970.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang (iii)	16.150.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam (iv)	3.000.050.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (v)	36.402.444.101	-
	<u>179.591.509.164</u>	<u>247.405.800.000</u>

- (i) Phản ánh khoản đầu tư mua 3.500.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với tổng giá trị là 43.335.369.863 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- (ii) Phản ánh khoản góp vốn hợp tác đầu tư vào Dự án đầu tư xây dựng khách sạn, là một phần của Dự án Saigon Airport Plaza theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1126/HĐ/SAP-OCH/2010 ngày 26 tháng 11 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia sẽ góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng khu đất được các bên thống nhất tại thời điểm ký Hợp đồng. Công ty Cổ phần khách sạn và Dịch vụ Đại Dương tiến hành góp vốn bằng tiền mặt với số tiền bằng giá trị đầu tư xây dựng công trình Khách sạn. Các bên sẽ thành lập Ban quản lý Dự án để điều hành, triển khai Dự án. Các bên sẽ được phân phối sản phẩm, phân chia lợi nhuận theo các quy định cụ thể trong Hợp đồng.

Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng 60% quyền góp vốn vào Dự án cho bà Hứa Thị Bích Hạnh và ghi nhận doanh thu tài chính tương ứng với lợi nhuận thu được (chi tiết xem trong Thuyết minh số 27).

Giá trị khoản đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh 40% tổng chi phí đã thực hiện của Dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza.

- (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào Dự án xây dựng Khách sạn Sao Hôm Nha Trang theo Hợp đồng góp vốn đầu tư Bất động sản số 22121/2010/HĐGV/OCH-SH ngày 08 tháng 10 năm 2010 giữa Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang (bên liên quan của Công ty) và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương. Theo đó, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương cam kết góp vốn cho Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm để thực hiện Dự án với giá trị là 39.824.850.000 đồng. Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương sẽ được chia sẻ lợi nhuận với lãi suất thỏa thuận trên cơ sở vốn góp.
- (iv) Phản ánh khoản đầu tư mua 300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam.
- (v) Phản ánh khoản tiền cho Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (công ty con của Công ty) vay theo các hợp đồng vay vốn dưới đây, tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là giá trị Khách sạn Suối Mơ tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh:
- Hợp đồng vay vốn ngày 06 tháng 5 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 20 tháng 8 năm 2011 với thời hạn 3 năm kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất là 18%/năm.
 - Hợp đồng vay vốn số 30/2011/OCH-SM ngày 19 tháng 8 năm 2011 với thời hạn 3 năm kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất là 18%/năm.

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	22.050.851.302	-
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	25.939.517.798	-
	47.990.369.100	-

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011	2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.766.717.936	365.339.832
Tăng trong năm	11.871.359.616	4.123.934.291
Phân bổ vào chi phí trong năm	(14.072.082.768)	(722.556.187)
Tại ngày 31 tháng 12	1.565.994.784	3.766.717.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	61.191.326.213	-
Công ty Cổ phần Viptour - Togi (ii)	67.000.000.000	-
	<u>128.191.326.213</u>	<u>-</u>

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (bên liên quan của Công ty) phản ánh giá trị ứng trước theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 30/UTDT-OCH ngày 21 tháng 4 năm 2011 để đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Việt (công ty con của Công ty). Khoản vay này chưa xác định thời hạn trả nợ. Lãi suất phải trả cho năm đầu tiên là 18%/năm và cho các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương cộng với 3%/năm.
- (ii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Viptour - Togi theo Hợp đồng vay số 28072011/2011/OCH-VIPTOUR-TOGI ngày 28 tháng 7 năm 2011 và Hợp đồng vay số 12112011/2011/OCH-VIPTOUR-TOGI ngày 12 tháng 11 năm 2011 với thời hạn vay một năm kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất là 14%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.555.397.983	4.350.942.305
Các loại thuế khác	12.369.277	142.254.638
	<u>2.567.767.260</u>	<u>4.493.196.943</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	25.341.314.985	-
Chi phí phải trả khác	1.441.158.495	12.963.685.346
	<u>26.782.473.480</u>	<u>12.963.685.346</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Viptour - Togi (i)	6.633.600.000	12.480.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội (ii)	91.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh (ii)	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt (ii)	45.400.000.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI (iii)	140.662.500.000	-
Phải trả, phải nộp khác	130.162.593	2.080.500
	<u>304.326.262.593</u>	<u>12.482.080.500</u>

- (i) Khoản tiền ứng trước của Công ty Cổ phần Viptour Togi để thực hiện Hợp đồng số 101106/OCH-5G-KSTV ngày 06 tháng 11 năm 2010 về việc thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ và Khách sạn Đại Dương thiết kế Khách sạn Trần Vũ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(ii) Khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội, Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt để có quyền sở hữu cũng như các nghĩa vụ đi kèm đối với 54.520.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An, tương ứng với 94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An, trước khi tiến hành chuyển nhượng lại cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam.

(iii) Khoản tiền nhận đặt cọc từ Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI để Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai khảo sát khách sạn Starcity Sài Gòn.

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản tiền nhận ứng trước của các cá nhân theo hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản vào Dự án Khách sạn Sao Hôm Nha Trang (Starcity Nha Trang) tại 72-74 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
	500.000.000.000	500.000.000.000

(i) Phản ánh giá trị trái phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2010/HĐMB-TP-PNB-UCH ngày 28 tháng 10 năm 2010. Số lượng trái phiếu phát hành là 500, mệnh giá phát hành là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 03 năm, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất trái phiếu cho năm đầu tiên là 14%/năm, với các năm tiếp theo là lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau trung bình của 04 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam). Mục đích phát hành là để bổ sung vốn kinh doanh cho việc thực hiện các dự án của Công ty. Công ty cam kết sẽ không thế chấp, cầm cố hoặc bán các tài sản có nguồn vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu trên trong khi thời hạn của trái phiếu vẫn còn hiệu lực nếu việc thế chấp, cầm cố hoặc bán các tài sản này có thể ảnh hưởng đến khả năng chi trả của Công ty, trừ khi dùng để trả nợ cho những trái phiếu nói trên.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	530.000.000.000	15.459.459	-	19.739.828	530.035.199.287
Tăng vốn trong năm	470.000.000.000	-	-	-	470.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	87.524.293.117	87.524.293.117
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.000.000.000.000	15.459.459	-	87.544.032.945	1.087.559.492.404
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	66.989.732.561	66.989.732.561
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	4.376.214.656	(65.341.457.586)	(60.965.242.930)
Số dư tại ngày 31/12/2011	1.000.000.000.000	15.459.459	4.376.214.656	89.192.307.920	1.093.583.982.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2604/2011/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2011, Công ty tiến hành chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ 6% tương đương với 60 tỷ đồng. Toàn bộ số cổ tức này đã được thanh toán trong năm 2011.

Đồng thời, Công ty tiến hành trích Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ với tỷ lệ 5%, Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 1% và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc với số tiền tương ứng là 4.376.214.656 đồng, 875.242.930 đồng và 90.000.000 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	triệu VND	%	triệu VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	750.000	75%	750.000	75%
Các cá nhân khác	250.000	25%	250.000	25%
	1.000.000	100%	1.000.000	100%

	31/12/2011	31/12/2010
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

25. DOANH THU - GIÁ VỐN

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.211.701.238	153.732.295.454
Trong đó:		
- Doanh thu khách sạn	57.223.945.258	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.987.755.980	-
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-	153.732.295.454
Các khoản giảm trừ doanh thu	(68.154.622)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.143.546.616	153.732.295.454
Giá vốn hàng hóa bán ra và dịch vụ cung cấp	28.557.593.828	61.046.740.364
- Giá vốn khách sạn	23.924.450.508	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.633.143.320	-
- Giá vốn nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-	61.046.740.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.361.383.959	359.924.828
Chi phí nhân công	20.868.460.877	6.720.667.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.549.929.428	71.214.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.466.403.775	4.437.492.551
Chi phí khác	419.877.876	61.065.235.216
	80.666.055.915	72.654.534.385

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.388.067.423	19.268.043.954
Lãi từ hoạt động đầu tư	108.773.201.593	-
Trong đó:		-
- Lãi từ chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án Saigon Airport Plaza (i)	29.324.013.464	-
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An (ii)	79.449.188.129	-
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	13.077.842.363	15.126.876.649
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	327.133.845	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác (iii)	80.270.833.332	12.250.000.000
	229.837.078.556	46.644.920.603

(i) Phản ánh lợi nhuận từ việc chuyển nhượng lại 60% quyền góp vốn đầu tư thực hiện Dự án Saigon Airport Plaza với giá trị tương ứng là 60% giá đất và 60% tiền xây dựng đã thanh toán cùng với tiền lãi ngân hàng trên khoản tiền xây dựng kể từ thời điểm Công ty thanh toán cho Công ty Cổ phần Việt Liên Á - Phú Hưng Gia đến thời điểm bà Hứa Thị Bích Hạnh thanh toán cho Công ty. Ban Giám đốc tin tưởng rằng, Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro, quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến 60% quyền góp vốn vào Dự án Saigon Airport Plaza cho bà Hứa Thị Bích Hạnh.

(ii) Trong năm 2011, Công ty có thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội (bên liên quan của Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội đồng ý chuyển nhượng lại 54.520.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An - tương ứng với 94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An cho Công ty. Hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng để chuyển giao toàn bộ rủi ro, quyền và nghĩa vụ liên quan đến số lượng cổ phần nói trên.

Tiếp đó, Công ty có thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Đầu tư và Phát triển Bình An Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng và khối lượng cổ phần đã tiến hành chuyển giao cho PVR, Công ty tiến hành ghi nhận vào doanh thu tài chính là phần chênh lệch giữa số thu được từ PVR và giá gốc khoản đầu tư tương ứng. Ban Giám đốc tin tưởng rằng, Công ty đã chuyển giao cho PVR phần lớn rủi ro, quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến số cổ phần chuyển nhượng này.

(iii) Tiền lãi phát sinh từ khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Trảng Tiền từ nhóm cổ đông bao gồm bà Nguyễn Thị Lan Hương, ông Hà Văn Thắm và ông Hà Trọng Nam (các bên liên quan của Công ty) như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 (iv).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	85.099.926.207	14.597.362.964
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết (i)	47.990.369.100	-
Chi phí tài chính khác	507.648.997	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	284.217.873	-
	<u>133.882.162.177</u>	<u>14.597.362.964</u>

(i) Phản ánh khoản dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con (Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ) và công ty liên kết (Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông) theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (chi tiết xem tại Thuyết minh số 15).

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	19.994.004.546	-
Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ	1.468.502.800	-
Khác	1.655.045.488	266.781
Thu nhập khác	<u>23.117.552.834</u>	<u>266.781</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	17.616.954.404	-
Giá trị của công cụ, dụng cụ đã thanh lý	1.446.165.640	-
Khác	376.617.880	1.101.665.162
Chi phí khác	<u>19.439.737.924</u>	<u>1.101.665.162</u>
Lợi nhuận/(lỗ) khác	<u>3.677.814.910</u>	<u>(1.101.398.381)</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	85.110.221.990	112.023.920.327
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(13.077.842.363)	(15.126.876.649)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	449.578.089	1.101.465.162
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>72.481.957.716</u>	<u>97.998.508.840</u>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>18.120.489.429</u>	<u>24.499.627.210</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>18.120.489.429</u>	<u>24.499.627.210</u>

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.513.333.508	13.246.821.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.218.927.389	28.559.012.372
Đầu tư ngắn hạn	325.327.082.866	250.000.000.000
Đầu tư dài hạn	179.591.509.164	247.405.800.000
Tổng cộng	640.650.852.927	539.211.633.380
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	628.191.326.213	500.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	324.007.978.698	54.909.067.079
Chi phí phải trả	26.782.473.480	12.963.685.346
Tổng cộng	978.981.778.391	567.872.752.425

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	128.191.326.213	500.000.000.000	628.191.326.213
Phải trả người bán và phải trả khác	311.860.387.922	12.147.590.776	324.007.978.698
Chi phí phải trả	26.782.473.480	-	26.782.473.480
Tổng cộng	466.834.187.615	512.147.590.776	978.981.778.391

31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	500.000.000.000	500.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	54.909.067.079	-	54.909.067.079
Chi phí phải trả	12.963.685.346	-	12.963.685.346
Tổng cộng	67.872.752.425	500.000.000.000	567.872.752.425

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.513.333.508	-	92.513.333.508
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.218.927.389	-	43.218.927.389
Đầu tư ngắn hạn	325.327.082.866	-	325.327.082.866
Đầu tư dài hạn	-	179.591.509.164	179.591.509.164
Tổng cộng	461.059.343.763	179.591.509.164	640.650.852.927

31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.246.821.008	-	13.246.821.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.559.012.372	-	28.559.012.372
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	247.405.800.000	247.405.800.000
Tổng cộng	291.805.833.380	247.405.800.000	539.211.633.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	2.728.636.364	-
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	5.314.909.090	-
Công ty Cổ phần Tràng Tiền	944.210.526	-
Doanh thu từ thanh lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	21.440.170.186	-
Góp vốn điều lệ		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	-	330.000.000.000
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	133.375.000	548.456.000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	47.209.238.000	-
Công ty Cổ phần Tân Việt	109.493.338.104	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	29.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	-	68.108.878.633
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	32.762.945.282	-
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam	3.000.050.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	1.150.000.000	-
Mua lại quyền kinh doanh bất động sản		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	-	61.046.740.364
Mua lại khoản đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	175.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư bất động sản		
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	-	15.000.000.000
Ứng trước thực hiện hợp đồng tư vấn thiết kế		
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	-	12.480.000.000
Chi phí phát sinh cho hợp đồng nhận thiết kế cho		
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	-	677.368.421
Công ty Cổ phần Tràng Tiền	-	944.210.526
Công ty Cổ phần Viptour -Togi	-	1.436.842.105
Ứng trước tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tràng Tiền		
Ông Hà Trọng Nam	-	500.000.000.000
Lãi vay thu từ giá trị tiền ứng trước		
Ông Hà Trọng Nam	80.270.833.332	12.250.000.000
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	38.728.460.162	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	99.000.000.000	-
Lãi thu được từ cho vay		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	3.563.430.609	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	10.017.777.778	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lãi thu được từ tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	12.070.435.197	17.293.870.567
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng VNT	-	3.956.000.000
Ký quỹ thuê khách sạn Starcity HCM		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	-	4.000.000.000
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	11.552.038.500	14.609.544.600
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.091.369.863	2.000.000.000
Các khoản đi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	131.818.643.040	-
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	137.000.000.000	-
Chi phí lãi vay và lãi tiền gửi Công ty phải trả cho		
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	3.568.444.556	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	7.700.526.552	-

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	7.649.189.985	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	286.000.001	-
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hòm Nha Trang	273.500.000	-
Công ty Cổ phần Trảng Tiền	1.038.631.579	-
Phải thu khác		
Ông Hà Trọng Nam	26.305.555.555	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	594.061.052	-
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	100.000.000.000	100.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	512.250.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	11.755.555.557
Công ty Cổ phần Viptour- Togi	246.832.000.000	-
Ứng trước người bán		
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	11.700.000.000	-
Phải trả cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	-	39.169.157.237
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	3.838.191	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	1.143.842.500	-
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	6.633.600.000	12.480.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	91.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	16.150.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	43.335.369.863	46.094.000.000
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	221.772.279.186	223.121.572.137
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	47.209.238.000	-
Công ty Cổ phần Tân Việt	109.493.338.104	-
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	32.762.945.282	-
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	99.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	36.402.444.101	-

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	621.914.974	944.477.525

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phó Thiên Sơn
Quyền Tổng Giám đốc

Trương Kim Thanh
Kế toán trưởng